

Số: *1759*/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày *20* tháng *7* năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực
Công Thương thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 1248/TTr-SCT ngày 22 tháng 6 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) được chuẩn hóa trong lĩnh vực Công Thương thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện; trong đó gồm 03 lĩnh vực với 14 TTHC (*Phụ lục kèm theo Quyết định*), cụ thể:

1. Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa (09 TTHC)
2. Lĩnh vực Kinh doanh khí (03 TTHC)
3. Lĩnh vực Quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện (02 TTHC)

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, giao trách nhiệm cho Sở Công Thương và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế thực hiện các công việc sau:

1. Sở Công Thương có trách nhiệm: cập nhật thủ tục hành chính mới được công bố vào Hệ thống thông tin thủ tục hành chính tỉnh Thừa Thiên Huế theo đúng quy định.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế có trách nhiệm:

a) Niêm yết công khai thủ tục hành chính này tại trụ sở cơ quan và trên Trang Thông tin điện tử của đơn vị;



b) Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, hoàn thành việc cấu hình các thủ tục hành chính này trên phần mềm Dịch vụ công;

c) Thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền theo hướng dẫn kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các quyết định sau:

1. Quyết định số 3105/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế thuộc thẩm quyền giải quyết của ủy ban nhân dân cấp huyện tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong Lĩnh vực Kinh doanh khí thuộc thẩm quyền giải quyết của ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Quyết định số 505/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế.

4. Quyết định số 858 /QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc công bố danh mục thủ tục hành chính trong Lĩnh vực Quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện.

5. Quyết định số 1844/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc công bố danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ, thủ tục hành chính mới ban hành trong Lĩnh vực An toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của ủy ban nhân dân cấp huyện, thị xã và thành phố Huế.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Lãnh đạo VP và các CV;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT.



Phan Thiên Định



Phụ lục
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHUẨN HÓA LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI
QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC HUYỆN, THỊ XÃ VÀ THÀNH PHỐ HUẾ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1759/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

PHẦN I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức và địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa (09 TTHC)						
1.	2.000620	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	10 ngày	-Tại thành phố, các thị xã: +Tổ chức, Doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định +Hộ kinh doanh: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định -Tại các huyện: +Tổ chức, Doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định +Hộ kinh doanh: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp trực tuyến qua Cổng DVC tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc Cổng DVC quốc gia.	-Nghị định số 105/2017/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 14/9/2017 -Nghị định số 17/2020/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 05/02/2020
2.	2.000615	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	07 ngày	-Tại thành phố, các thị xã: +Tổ chức, Doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện. - Nộp qua dịch vụ bưu chính	-Nghị định số 105/2017/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 14/9/2017

				+Hộ kinh doanh: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thâm định -Tại các huyện: +Tổ chức, Doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thâm định +Hộ kinh doanh: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thâm định	công ích. - Nộp trực tuyến qua Cổng DVC tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc Cổng DVC quốc gia.	-Nghị định số 17/2020/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 05/02/2020
3.	2.001240	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	07 ngày	-Tại thành phố, các thị xã: +Tổ chức, Doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thâm định +Hộ kinh doanh: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thâm định -Tại các huyện: +Tổ chức, Doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thâm định +Hộ kinh doanh: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thâm định	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp trực tuyến qua Cổng DVC tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc Cổng DVC quốc gia.	-Nghị định số 105/2017/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 14/9/2017 -Nghị định số 17/2020/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 05/02/2020
4.	2.000181	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 ngày	-Tại thành phố, các thị xã: +Tổ chức, Doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thâm định +Hộ kinh doanh: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thâm định -Tại các huyện:	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp trực tuyến qua Cổng DVC tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc Cổng DVC quốc gia.	-Nghị định số 105/2017/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 14/9/2017 -Nghị định số 17/2020/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 05/02/2020

				+Tổ chức, Doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định +Hộ kinh doanh: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định		
5.	2.000162	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 ngày	-Tại thành phố, các thị xã: +Tổ chức, Doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định +Hộ kinh doanh: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định -Tại các huyện: +Tổ chức, Doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định +Hộ kinh doanh: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp trực tuyến qua Cổng DVC tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc Cổng DVC quốc gia.	-Nghị định số 105/2017/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 14/9/2017 -Nghị định số 17/2020/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 05/02/2020
6.	2.000150	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 ngày	-Tại thành phố, các thị xã: +Tổ chức, Doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định +Hộ kinh doanh: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định -Tại các huyện: +Tổ chức, Doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định +Hộ kinh doanh: 200.000	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp trực tuyến qua Cổng DVC tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc Cổng DVC quốc gia.	-Nghị định số 105/2017/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 14/9/2017 -Nghị định số 17/2020/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 05/02/2020

				đồng/điểm thẩm định	kinh doanh/lần		
7.	2.000633	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	10 ngày	1.100.000 định/hồ sơ	đồng/lần thẩm	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp trực tuyến qua Cổng DVC tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc Cổng DVC quốc gia.	-Nghị định số 105/2017/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 14/9/2017 -Nghị định số 17/2020/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 05/02/2020
8.	1.001279	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	07 ngày	1.100.000 định/hồ sơ	đồng/lần thẩm	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp trực tuyến qua Cổng DVC tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc Cổng DVC quốc gia.	-Nghị định số 105/2017/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 14/9/2017 -Nghị định số 17/2020/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 05/02/2020
9.	2.000629	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	07 ngày	1.100.000 định/hồ sơ	đồng/lần thẩm	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp trực tuyến qua Cổng DVC tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc Cổng DVC quốc gia.	-Nghị định số 105/2017/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 14/9/2017 -Nghị định số 17/2020/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 05/02/2020
II. Lĩnh vực Kinh doanh khí (03 TTHC)							
10.	2.001261	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán	15 ngày	-Tại thành phố, các thị xã: +Tổ chức, Doanh nghiệp:		- - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công cấp	Nghị định số 87/2018/NĐ-CP của

		lẻ LPG chai		1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định +Hộ kinh doanh: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định -Tại các huyện: +Tổ chức, Doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định +Hộ kinh doanh: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định	huyện. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp trực tuyến qua Cổng DVC tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc Cổng DVC quốc gia.	Chính phủ ban hành ngày 15/6/2018
11.	2.001270	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	07 ngày	-Tại thành phố, các thị xã: +Tổ chức, Doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định +Hộ kinh doanh: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định -Tại các huyện: +Tổ chức, Doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. +Hộ kinh doanh: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định	- - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp trực tuyến qua Cổng DVC tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc Cổng DVC quốc gia.	Nghị định số 87/2018/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 15/6/2018
12.	2.001261	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	07 ngày	-Tại thành phố, các thị xã: +Tổ chức, Doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định +Hộ kinh doanh: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp trực tuyến qua Cổng	Nghị định số 87/2018/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 15/6/2018

				thẩm định -Tại các huyện: +Tổ chức, Doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định +Hộ kinh doanh: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định	DVC tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc Công DVC quốc gia.	
III. Lĩnh vực Quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện (02 TTHC)						
13.	2.000599	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện	20 ngày	Không	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp trực tuyến qua Cổng DVC tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc Công DVC quốc gia.	Nghị định số 114/2018/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 04/9/2018
14.	1.000473	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện	20 ngày	Không	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp trực tuyến qua Cổng DVC tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc Công DVC quốc gia.	Nghị định số 114/2018/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 04/9/2018

2. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung bãi bỏ
1.		Xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm	Khoản 5, khoản 9 Điều 10 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương
2.	2.001235	Cấp Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	Khoản 10 Điều 17 Nghị định 17/2020/NĐ-CP. Bãi bỏ một số điều, khoản của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu
3.	2.001231	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	Khoản 10 Điều 17 Nghị định 17/2020/NĐ-CP. Bãi bỏ một số điều, khoản của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu
4.	1.002956	Cấp lại Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	Khoản 10 Điều 17 Nghị định 17/2020/NĐ-CP. Bãi bỏ một số điều, khoản của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu

PHẦN II
NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA (12 TTHC)

1. Cấp Giấy phép bán lẻ rượu

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Công dân/Tổ chức nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả gửi phiếu hẹn trả kết quả cho công dân/tổ chức.

- Bước 2: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ; cụ thể:

+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, thẩm định và cấp Giấy phép cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

+ Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản yêu cầu bổ sung.

- Bước 3: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chuyển kết quả cho Trung tâm Hành chính công cấp huyện.

- Bước 4: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện trả kết quả cho công dân/tổ chức.

* **Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:** Các ngày làm việc trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 (trừ các ngày Lễ, ngày nghỉ theo quy định)

- Buổi sáng: Từ 8 giờ 00 đến 11 giờ 00.

- Buổi chiều: từ 13 giờ 30 đến 16 giờ 30.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện.

- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Nộp trực tuyến qua Cổng DVC tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc Cổng DVC quốc gia.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* **Thành phần hồ sơ bao gồm:**

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ rượu (Bản chính - theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP).

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh.

- Bản sao hợp đồng thuê/mượn hoặc tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp cơ sở dự kiến làm địa điểm bán lẻ.

- Bản sao văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật.

g) Cơ quan thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

h) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép bán lẻ rượu.

i) Phí thẩm định:

- Tại thành phố, các thị xã:

+ Tổ chức, Doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

+ Hộ kinh doanh: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định

- Tại các huyện:

+ Tổ chức, Doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

+ Hộ kinh doanh: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ rượu (Mẫu số 01 kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính Phủ).

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Có quyền sử dụng hợp pháp địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng.

- Có văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu.

m) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia;
- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu;
 - *Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;*
 - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP BÁN LÊ RƯỢUKính gửi:⁽¹⁾.....

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điện thoại:..... Fax:

Địa điểm sản xuất/kinh doanh:

.....

Điện thoại:..... Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số.....do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đề nghị⁽¹⁾..... xem xét cấp Giấy phép bán lẻ rượu, cụ thể là:**Được phép tổ chức bán lẻ rượu như sau:**

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:

.....⁽²⁾.....

Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm:

.....

.....⁽³⁾..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu(nếu có))***Chú thích:**

⁽¹⁾ Cơ quan cấp phép: Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

⁽²⁾: Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: Rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

⁽³⁾ Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

2. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Công dân/Tổ chức nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả gửi phiếu hẹn trả kết quả cho công dân/tổ chức.

- Bước 2: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ; cụ thể:

+ Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp sửa đổi, bổ sung phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

+ Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản yêu cầu bổ sung.

- Bước 3: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chuyển kết quả cho Trung tâm Hành chính công cấp huyện.

- Bước 4: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện trả kết quả cho công dân/tổ chức.

* **Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:** Các ngày làm việc trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 (trừ các ngày Lễ, ngày nghỉ theo quy định)

- Buổi sáng: Từ 8 giờ 00 đến 11 giờ 00.

- Buổi chiều: từ 13 giờ 30 đến 16 giờ 30.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện.

- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Nộp trực tuyến qua Cổng DVC tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc Cổng DVC quốc gia.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung (Bản chính - theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP);

+ Bản sao Giấy phép đã được cấp;

+ Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Thương nhân.

g) Cơ quan thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

h) Kết quả thực hiện thủ TTHC: Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu.

i) Phí thẩm định (nếu có):

- Tại thành phố, các thị xã:

+ Tổ chức, Doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

+ Hộ kinh doanh: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định

- Tại các huyện:

+ Tổ chức, Doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

+ Hộ kinh doanh: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu (Mẫu số 02 kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ).

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Có quyền sử dụng hợp pháp địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng.

- Có văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu.

m) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều

kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ rượu**Kính gửi:⁽¹⁾.....

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Địa điểm sản xuất/kinh doanh:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số.....do..... cấp ngày tháng..... năm.....;

Giấy phép bán lẻ rượu đã được cấp số..... do..... cấp ngày tháng năm

Giấy phép bán lẻ rượu đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) sốdo..... cấp ngày..... tháng..... năm

.....⁽²⁾..... đề nghị⁽¹⁾..... xem xét cấp sửa đổi (hoặc bổ sung) Giấy phép bán lẻ rượu, với lý do cụ thể như sau:

1. Sửa đổi:

Thông tin cũ:

Thông tin mới:⁽³⁾.....**2. Bổ sung:**⁽³⁾.....

.....⁽²⁾..... xin cam đoan lý do trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Chú thích:⁽¹⁾: Cơ quan cấp phép: Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.⁽²⁾: Tên thương nhân xin cấp giấy phép.⁽³⁾: Nội dung sửa đổi, bổ sung.

3. Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu

3.1. Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực

- Thương nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày.

- Trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, thành phần, số lượng hồ sơ, thời hạn giải quyết, đối tượng thực hiện thủ tục hành chính cấp lại đối với quy định tại trường hợp này áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới.

3.2. Trường hợp cấp lại do bị mất hoặc bị hỏng giấy phép

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Công dân/Tổ chức nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả gửi phiếu hẹn trả kết quả cho công dân/tổ chức.

- Bước 2: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ; cụ thể:

+ Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét và cấp lại Giấy phép cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

+ Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản yêu cầu bổ sung.

- Bước 3: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chuyển kết quả cho Trung tâm Hành chính công cấp huyện.

- Bước 4: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện trả kết quả cho công dân/tổ chức.

* **Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:** Các ngày làm việc trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 (trừ các ngày Lễ, ngày nghỉ theo quy định)

- Buổi sáng: Từ 8 giờ 00 đến 11 giờ 00.

- Buổi chiều: từ 13 giờ 30 đến 16 giờ 30.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện.

- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Nộp trực tuyến qua Cổng DVC tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc Cổng DVC quốc gia.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Trường hợp cấp lại do Giấy phép hết thời hạn hiệu lực: Thương nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép trước thời hạn hết hiệu lực của Giấy phép 30 ngày. Hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại áp dụng như quy định với trường hợp cấp mới.

- Trường hợp Giấy phép bán lẻ rượu bị mất, bị hỏng. Thành phần hồ sơ gồm:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép (bản chính - theo Mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP);

+ Bản gốc hoặc bản sao Giấy phép đã cấp (nếu có).

* **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh đã được cấp Giấy phép bán lẻ rượu bị mất hoặc bị hỏng.

g) Cơ quan thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng.

h) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép bán lẻ rượu cấp lại.

i) Phí thẩm định (nếu có):

- Tại thành phố, các thị xã:

+ Tổ chức, Doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

+ Hộ kinh doanh: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định

- Tại các huyện:

+ Tổ chức, Doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

+ Hộ kinh doanh: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu (Mẫu số 03 kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ).

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Trường hợp cấp lại Giấy phép do bị mất, bị hỏng

- Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật

- Có quyền sử dụng hợp pháp địa điểm kinh doanh có định, địa chỉ rõ ràng.

- Có văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu.

m) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia.

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu;

- *Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;*

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

(Ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ)

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp lại giấy phép bán lẻ rượu

(Trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)

Kính gửi:⁽¹⁾

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Địa điểm sản xuất/kinh doanh:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....;

Giấy phép bán lẻ rượu đã được cấp số.....do cấp ngày tháng..... năm

Giấy phép bán lẻ rượu đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) số do..... cấp ngày..... tháng..... năm

.....⁽²⁾ đề nghị⁽¹⁾ xem xét cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu, với lý do cụ thể như sau:

.....⁽³⁾

.....⁽²⁾xin cam đoan lý do trình bày trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu(nếu có))

Chú thích:

⁽¹⁾: Cơ quan cấp phép: Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

⁽²⁾: Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

⁽³⁾: Lý do xin cấp lại.

4. Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Công dân/Tổ chức nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả gửi phiếu hẹn trả kết quả cho công dân/tổ chức.

- Bước 2: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ; cụ thể:

+ Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét và cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá. Trường hợp thương nhân không đáp ứng được điều kiện theo quy định, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.

+ Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung hồ sơ.

- Bước 3: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chuyển kết quả cho Trung tâm Hành chính công cấp huyện.

- Bước 4: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện trả kết quả cho công dân/tổ chức.

* **Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:** Các ngày làm việc trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 (trừ các ngày Lễ, ngày nghỉ theo quy định)

- Buổi sáng: Từ 8 giờ 00 đến 11 giờ 00.

- Buổi chiều: từ 13 giờ 30 đến 16 giờ 30.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện.

- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Nộp trực tuyến qua Cổng DVC tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc Cổng DVC quốc gia.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá; Phụ lục 23 (Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế;

- Bản sao các văn bản giới thiệu của các thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh;

* **Số lượng hồ sơ:** Thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá lập 02 bộ hồ sơ theo quy định, 01 bộ gửi Phòng Công Thương, thương nhân lưu 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh đã được cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

g) Cơ quan thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng.

h) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

i) Phí thẩm định (nếu có):

- Tại thành phố, các thị xã:

+ Tổ chức, Doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

+ Hộ kinh doanh: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định

- Tại các huyện:

+ Tổ chức, Doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

+ Hộ kinh doanh: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá Phụ lục 23 theo mẫu (Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương).

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật;

- Địa điểm kinh doanh không vi phạm quy định về địa điểm không được bán thuốc lá theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 (Bán thuốc lá) Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012 ;

- Có văn bản giới thiệu của các thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh;

m) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương,

- *Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương;*

- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;

- *Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;*

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

PHỤ LỤC 23*(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)*

TÊN THƯƠNG NHÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /... .., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**CẤP GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

Kính gửi: Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế và Hạ Tầng (1)(2)

1. Tên thương nhân:.....
 2. Địa chỉ trụ sở chính:
 3. Điện thoại:..... Fax:.....
 4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh...) số..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngàytháng..... năm.....;
 5. Chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có)
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....
- Đề nghị Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế và Hạ Tầng (1).....(2) xem xét cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, cụ thể như sau:
6. Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:.....(3)
 7. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:.....(4)

.....(ghi rõ tên thương nhân).....xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; Nghị định số 106/2017/NĐ- CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuốc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công

Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá. Nếu sai...⁽⁴⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân

(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

- (1): Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế và Hạ Tầng (ví dụ: Phòng Kinh tế,...)
- (2) Ghi rõ tên quận, huyện nơi thương nhân dự kiến xin phép để kinh doanh.
- (3): Ghi rõ tên, địa chỉ của thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.
- (4): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại của các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

5. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Công dân/Tổ chức nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả gửi phiếu hẹn trả kết quả cho công dân/tổ chức.

- Bước 2: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ; cụ thể:

+ Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét và cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá. Trường hợp thương nhân không đáp ứng được điều kiện theo quy định, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.

+ Trường hợp thương nhân không đáp ứng được điều kiện theo quy định, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chuyển kết quả cho Trung tâm Hành chính công cấp huyện.

- Bước 4: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện trả kết quả cho công dân/tổ chức.

* **Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:** Các ngày làm việc trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 (trừ các ngày Lễ, ngày nghỉ theo quy định)

- Buổi sáng: Từ 8 giờ 00 đến 11 giờ 00.

- Buổi chiều: từ 13 giờ 30 đến 16 giờ 30.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện.

- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Nộp trực tuyến qua Cổng DVC tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc Cổng DVC quốc gia.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung;

- Bản sao Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp;

- Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung

* **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ);

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh đã được cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

g) Cơ quan thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng.

h) Kết quả thực hiện TTHC: Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

i) Phí thẩm định (nếu có):

- Tại thành phố, các thị xã:

+ Tổ chức, Doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

+ Hộ kinh doanh: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định

- Tại các huyện:

+ Tổ chức, Doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

+ Hộ kinh doanh: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: *Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá Phụ lục 46 theo mẫu (Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương).*

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật;

- Địa điểm kinh doanh không vi phạm quy định về địa điểm không được bán thuốc lá theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 (Bán thuốc lá) Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012 ;

- Có văn bản giới thiệu của các thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh;

m) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương,

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;

- Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /... .., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP
BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

Kính gửi: Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế và Hạ Tầng...(1)

1. Tên thương nhân :
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh...) số..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngàytháng..... năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....;
6. Đã được Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế và Hạ Tầng...(1) cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....
7. Đã được Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế và Hạ Tầng...(1) cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (sửa đổi, bổ sung lần thứ.....) số ngày thángnăm(nếu đã có).....(2).

...(ghi rõ tên thương nhân)...(3) kính đề nghị Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế và Hạ Tầng ...xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá, với lý do cụ thể như sau (tùy thuộc vào nhu cầu sửa đổi, bổ sung để doanh nghiệp thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):

8. Sửa đổi thông tin chung (tên thương nhân, trụ sở chính, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh...), chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh,...)

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

9. Sửa đổi, bổ sung về tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá, như sau:

- Được phép mua sản phẩm thuốc lá của thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:.....(4)
- Để tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:.....(5)

10. Sửa đổi, bổ sung các địa điểm tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá:

a) Đề nghị sửa đổi:

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....(5)

b) Đề nghị bổ sung:.....(6)

.....(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuốc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá. Nếu sai...⁽⁴⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân

(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1) Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế và Hạ Tầng (ví dụ: Phòng Kinh tế,...)

(2): Ghi rõ từng lần sửa đổi, bổ sung, số giấy phép, ngày cấp (nếu có).

(3): Tên Thương nhân.

(4): Ghi rõ tên, địa chỉ thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.

(5): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

(6) Ghi rõ các nội dung khác cần sửa đổi, bổ sung.

6. Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

6.1. Trường hợp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp hết thời hạn hiệu lực:

Trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày, tổ chức, cá nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép trong trường hợp tiếp tục kinh doanh. Hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại như đối với trường hợp cấp mới.

6.2. Trường hợp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy:

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Công dân/Tổ chức nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả gửi phiếu hẹn trả kết quả cho công dân/tổ chức.

- Bước 2: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ; cụ thể:

+ Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định, xem xét hồ sơ và các điều kiện cần thiết để cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá. Trường hợp thương nhân không đáp ứng được điều kiện theo quy định, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.

+ Trường hợp thương nhân không đáp ứng được điều kiện theo quy định, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chuyển kết quả cho Trung tâm Hành chính công cấp huyện.

- Bước 4: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện trả kết quả cho công dân/tổ chức.

* **Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:** Các ngày làm việc trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 (trừ các ngày Lễ, ngày nghỉ theo quy định)

- Buổi sáng: Từ 8 giờ 00 đến 11 giờ 00.

- Buổi chiều: từ 13 giờ 30 đến 16 giờ 30.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện.

- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.
- Nộp trực tuyến qua Cổng DVC tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc Cổng DVC quốc gia.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Trường hợp Giấy phép đã được cấp hết thời hạn hiệu lực, hồ sơ cấp lại như đối với trường hợp cấp mới;
- Trường hợp giấy phép bị mất, bị tiêu hủy hoàn toàn hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy:

*** Thành phần hồ sơ:**

- Bản chính Văn bản đề nghị cấp lại; Phụ lục 52 theo mẫu (Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)
- Bản sao Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp (nếu có).

*** Số lượng hồ sơ: 01 (bộ);**

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện TTHC: Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh đã được cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

g) Cơ quan thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng.

h) Kết quả thực hiện TTHC: Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

i) Phí thẩm định (nếu có):

- Tại thành phố, các thị xã:
- + Tổ chức, Doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.
- + Hộ kinh doanh: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định
- Tại các huyện:
- + Tổ chức, Doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.
- + Hộ kinh doanh: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá Phụ lục 52 theo mẫu (Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương).

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật;

- Địa điểm kinh doanh không vi phạm quy định về địa điểm không được bán thuốc lá theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 (Bán thuốc lá) Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012 ;

- Có văn bản giới thiệu của các thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh;

m) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương,

- *Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuốc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương;*

- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;

- *Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;*

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI

GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ

(trong trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy)

Kính gửi: (1)

1. Tên thương nhân:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh...) số do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ.....ngày tháng..... năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện:
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....;
6. Đã được Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế và Hạ Tầng (1)..... cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....cho.....
7. Đã được Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế và Hạ Tầng (1).....cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....cho.....(nếu có).
- 8....(ghi rõ tên thương nhân)...kính đề nghị Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế và Hạ Tầng (1)..... xem xét cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, với lý do (2).....

.....(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuốc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công

Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá. Nếu sai...⁽⁴⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân

(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1): Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế và Hạ Tầng (ví dụ: Phòng Kinh tế,...)

(2): Ghi rõ lý do xin cấp lại.

7. Cấp giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả gửi phiếu hẹn trả kết quả cho thương nhân.

- Bước 2: Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ; cụ thể:

+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế và Hạ tầng xem xét và cấp Giấy phép cho thương nhân;

+ Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế và Hạ tầng phải có văn bản yêu cầu bổ sung. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Lập và Lưu giữ: Giấy phép được làm thành 04 bản: 02 bản lưu tại cơ quan cấp phép, 01 bản gửi cơ sở được cấp giấy phép, 01 bản gửi Sở Công Thương.

- Bước 3: Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế và Hạ tầng chuyển trả kết quả cho Trung tâm Hành chính công cấp huyện.

- Bước 4: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện trả kết quả cho thương nhân.

* **Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:** Các ngày làm việc trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 (trừ các ngày Lễ, ngày nghỉ theo quy định)

- Buổi sáng: Từ 8 giờ 00 đến 11 giờ 00.

- Buổi chiều: từ 13 giờ 30 đến 16 giờ 30.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện.

- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Nộp trực tuyến qua Cổng DVC tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc Cổng DVC quốc gia.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* **Hồ sơ đề nghị Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh gồm:**

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP.

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh.

+ Bản sao Bản công bố sản phẩm rượu hoặc bản sao Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm (đối với rượu chưa có quy chuẩn kỹ thuật); bản sao Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, trừ trường hợp đối với cơ sở thuộc loại kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ theo quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm.

+ Bản liệt kê tên hàng hóa rượu kèm theo bản sao nhãn hàng hóa rượu mà tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc dự kiến sản xuất.

* **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

i) Lệ phí (nếu có): 1.100.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

- Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Bảo đảm điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia.

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia;

- Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá;

- Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22 tháng 02 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP.....⁽¹⁾.....Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:..... Điện thoại:..... Fax:

Địa điểm sản xuất/kinh doanh:

Điện thoại:..... Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đề nghị⁽²⁾..... xem xét cấp Giấy phép⁽¹⁾....., cụ thể là:

(Tùy thuộc vào từng loại hình kinh doanh rượu, thương nhân thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):

Được phép sản xuất rượu như sau:Sản xuất các loại rượu:⁽³⁾.....Quy mô sản xuất sản phẩm rượu:⁽⁴⁾.....**Được phép tổ chức phân phối rượu như sau:**Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, nhà cung cấp rượu nước ngoài sau:⁽⁵⁾.....

Được phép tổ chức hệ thống phân phối rượu tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau:.....

Được phép bán lẻ rượu, tại các địa điểm sau:

Được phép tổ chức bán buôn rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:

.....⁽⁵⁾.....

.....

Được phép tổ chức hệ thống bán buôn rượu tại tỉnh, thành phố:

.....

.....

Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm:

Được phép tổ chức bán lẻ rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:

.....⁽⁵⁾.....
Được
 phép bán lẻ rượu tại các địa điểm:

.....⁽⁶⁾..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số/2020/NĐ-CP ngày...tháng.... năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu(nếu có))

Chú thích:

- (1): Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu
- (2): Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.
- (3): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: Rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...
- (4): Ghi công suất thiết kế; đối với sản xuất rượu thủ công thì ghi sản lượng dự kiến sản xuất (lít/năm).
- (5): Ghi rõ tên, địa chỉ.
- (6): Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

8. Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

8.1. Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực:

Thương nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày. Hồ sơ, thẩm quyền, thủ tục cấp lại đối với trường hợp này áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới.

8.2. Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng:

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thương nhân nộp hồ sơ tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả gửi phiếu hẹn trả kết quả cho thương nhân.

- Bước 2: Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ; cụ thể:

+ Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế và Hạ tầng xem xét và cấp lại giấy phép theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan cấp lại giấy phép phải có văn bản yêu cầu bổ sung.

Bước 3: Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế và Hạ tầng chuyển trả kết quả cho Trung tâm Hành chính công cấp huyện.

Bước 4: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện trả kết quả cho thương nhân.

* **Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:** Các ngày làm việc trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 (trừ các ngày Lễ, ngày nghỉ theo quy định)

- Buổi sáng: Từ 8 giờ 00 đến 11 giờ 00.

- Buổi chiều: từ 13 giờ 30 đến 16 giờ 30.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện.

- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Nộp trực tuyến qua Cổng DVC tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc Cổng DVC quốc gia.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* **Thành phần hồ sơ gồm:**

- Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực: Hồ sơ cấp lại đối với trường hợp này áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới.

- Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng

Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 03 ban hành tại Nghị định 17/2020/NĐ-CP và bản gốc hoặc bản sao giấy phép đã cấp (nếu có);

* **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp lại giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

i) Lệ phí (nếu có): 1.100.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

- Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Bảo đảm điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia.

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia;

- Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá;

- Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22 tháng 02 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15

tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Cấp lại giấy phép(1).....****(Trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)**Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:..... Điện thoại:..... Fax:

Địa điểm sản xuất/kinh doanh:..... Điện thoại:..... Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số..... do..... cấp ngày... tháng... năm...;

Giấy phép⁽¹⁾..... đã được cấp số..... do cấp ngày tháng..... nămGiấy phép...⁽¹⁾.....đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) số do..... cấp ngày..... tháng..... năm⁽³⁾..... đề nghị⁽²⁾..... xem xét cấp lại Giấy phép⁽¹⁾....., với lý do cụ thể như sau:⁽⁴⁾.......⁽³⁾.....xin cam đoan lý do trình bày trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số .../2020/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT***(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu(nếu có))***Chú thích:**⁽¹⁾: Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu.⁽²⁾: Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.⁽³⁾: Tên thương nhân xin cấp giấy phép.⁽⁴⁾: Lý do xin cấp lại.

TÊN CƠ QUAN CẤP PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / Hà Nội, ngày tháng năm

GIẤY PHÉP(1).....*(Cấp lại lần thứ...)***BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG/GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG/ TRƯỞNG
PHÒNG KINH TẾ (KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG)**Căn cứ⁽²⁾.....;

Căn cứ Nghị định số .../2017/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu;

Căn cứ Nghị định số .../2020/NĐ-CP ngày...tháng...năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Giấy phép⁽¹⁾..... số..... do..... cấp ngày... tháng ... nămXét Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép....⁽¹⁾ số ngày..... tháng năm của ...⁽³⁾.....;Theo đề nghị của⁽⁴⁾.....,**QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1. Cấp phép**⁽¹⁾.....Cho phép:⁽³⁾.....

Trụ sở tại:..... Điện thoại:..... Fax:.....

Địa điểm sản xuất/kinh doanh (nếu có):..... Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số do cấp ngày ... tháng ... năm

(Tùy vào loại giấy phép mà thương nhân đề nghị cấp, cơ quan có thẩm quyền cho phép thực hiện một trong các nội dung dưới đây):

Được phép sản xuất rượu như sau:Sản xuất các loại rượu:⁽⁵⁾.....Quy mô sản xuất sản phẩm rượu:⁽⁶⁾.....**Được phép tổ chức phân phối rượu như sau:**Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, nhà cung cấp rượu nước ngoài sau:⁽⁷⁾.....

Được phép tổ chức hệ thống phân phối rượu tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau:.....

Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm sau:

Được phép tổ chức bán buôn rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu trong nước, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:⁽⁷⁾

Được phép tổ chức hệ thống bán buôn rượu tại tỉnh, thành phố:

.....

.....

Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm sau:

Được phép tổ chức bán lẻ rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:⁽⁷⁾

Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm sau:

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

.....⁽³⁾ phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số/2020/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Thời hạn của giấy phép

Giấy phép này có giá trị đến ngày.... tháng ... năm/.

(Chức danh, ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

-⁽³⁾;
-⁽⁸⁾;
- Lưu: VT,⁽⁴⁾.

Chú thích:

⁽¹⁾: Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu.

⁽²⁾: Tên văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan cấp phép.

⁽³⁾: Tên thương nhân được cấp giấy phép.

⁽⁴⁾: Tên cơ quan, đơn vị trình.

⁽⁵⁾: Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

⁽⁶⁾: Ghi công suất thiết kế; đối với sản xuất rượu thủ công thì ghi sản lượng dự kiến sản xuất (lít/năm).

⁽⁷⁾: Ghi rõ tên, địa chỉ.

⁽⁸⁾: Các cơ quan, đơn vị liên quan cần gửi giấy phép.

9. Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Trường hợp có thay đổi các nội dung của giấy phép, thương nhân phải gửi hồ sơ đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả gửi phiếu hẹn trả kết quả cho thương nhân.

- Bước 2: Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ; cụ thể:

+ Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế và Hạ tầng có thẩm quyền xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép. Trường hợp từ chối cấp sửa đổi, bổ sung phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế và Hạ tầng phải có văn bản yêu cầu bổ sung.

- Bước 3: Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế và Hạ tầng chuyển trả kết quả cho Trung tâm Hành chính công cấp huyện.

- Bước 4: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện trả kết quả cho thương nhân.

*** Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:** Các ngày làm việc trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 (trừ các ngày Lễ, ngày nghỉ theo quy định)

- Buổi sáng: Từ 8 giờ 00 đến 11 giờ 00.

- Buổi chiều: từ 13 giờ 30 đến 16 giờ 30.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện.

- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Nộp trực tuyến qua Cổng DVC tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc Cổng DVC quốc gia.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ gồm:**

- Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP;

- Bản sao giấy phép đã được cấp;
- Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

* **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Thương nhân

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

i). Lệ phí (nếu có): 1.100.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

- Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Bảo đảm điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia.

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia;

- Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá;

- Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22 tháng 02 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng năm

Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép ... (1)...Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:..... Điện thoại:..... Fax:.....

Địa điểm sản xuất/kinh doanh:

Điện thoại:Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số.....do..... cấp ngàytháng..... năm.....;

Giấy phép⁽¹⁾..... đã được cấp số..... do..... cấp ngày ... tháng ... năm ...Giấy phép⁽¹⁾..... đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) sốdo..... cấp ngày..... tháng..... năm⁽³⁾..... đề nghị⁽²⁾.....xem xét cấp sửa đổi (hoặc bổ sung) Giấy phép.....⁽¹⁾....., với lý do cụ thể như sau:**1. Sửa đổi:**

Thông tin cũ:

Thông tin mới:⁽⁴⁾.....**2. Bổ sung:⁽⁴⁾.....**

.....⁽³⁾..... xin cam đoan lý do trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số .../2020/NĐ-CP ngày...tháng.... năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu(nếu có))***Chú thích:**

⁽¹⁾: Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu.

⁽²⁾: Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

⁽³⁾: Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

⁽⁴⁾: Nội dung sửa đổi, bổ sung.

III. LĨNH VỰC KINH DOANH KHÍ (03 TTHC)

1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai

a) *Trình tự thực hiện:*

- Bước 1: Công dân/Tổ chức nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả gửi phiếu hẹn trả kết quả cho công dân/tổ chức.

- Bước 2: Phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ; cụ thể:

+ Trường hợp hồ sơ chưa đảm bảo tính đầy đủ, hợp lệ, phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chuyển kết quả cho Trung tâm Hành chính công cấp huyện.

- Bước 4: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện trả kết quả cho công dân/tổ chức.

* **Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:** Các ngày làm việc trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 (trừ các ngày Lễ, ngày nghỉ theo quy định)

- Buổi sáng: Từ 8 giờ 00 đến 11 giờ 00.

- Buổi chiều: từ 13 giờ 30 đến 16 giờ 30.

b) **Cách thức thực hiện:**

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện.

- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Nộp trực tuyến qua Cổng DVC tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc Cổng DVC quốc gia.

c) **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

* **Thành phần hồ sơ bao gồm:**

- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai (Bản chính - theo Mẫu).

- Bản sao hợp đồng bán LPG chai với thương nhân có giấy chứng nhận đủ điều kiện còn hiệu lực.

- Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy.

* **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Là thương nhân kinh doanh LPG chai.

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai.

i) Phí thẩm định:

- Tại thành phố, các thị xã:

+ Tổ chức, Doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

+ Hộ kinh doanh: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định

- Tại các huyện:

+ Tổ chức, Doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

+ Hộ kinh doanh: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Là thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Có hợp đồng tối thiểu 1 năm bán LPG chai với thương nhân có giấy chứng nhận đủ điều kiện còn hiệu lực theo quy định tại Nghị định 87/2018/NĐ-CP, trừ trường hợp cửa hàng trực thuộc của thương nhân.

- Đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh

hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
CỬA HÀNG BÁN LẺ LPG CHAI

Kính gửi: Ủy ban nhân dân

Tên thương nhân/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh:

Địa chỉ:

Điện thoại:.....Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh số:

do..... cấp ngày.... tháng.... năm

Mã số thuế:

Đề nghị Ủy ban nhân dânxem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai theo quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: ...

**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/
 CHỦ NHIỆM/HỘ KINH DOANH**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

2. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Công dân/Tổ chức nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả gửi phiếu hẹn trả kết quả cho công dân/tổ chức.

- Bước 2: Phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ; cụ thể:

+ Trên cơ sở kiểm tra hồ sơ cấp Giấy chứng nhận được lưu, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương cấp lại Giấy chứng nhận.

- Bước 3: Phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chuyển kết quả cho Trung tâm Hành chính công cấp huyện.

- Bước 4: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện trả kết quả cho công dân/tổ chức.

* **Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:** Các ngày làm việc trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 (trừ các ngày Lễ, ngày nghỉ theo quy định)

- Buổi sáng: Từ 8 giờ 00 đến 11 giờ 00.

- Buổi chiều: từ 13 giờ 30 đến 16 giờ 30.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện.

- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Nộp trực tuyến qua Cổng DVC tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc Cổng DVC quốc gia.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ, bao gồm:**

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận (Bản chính - theo Mẫu)

* **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: thương nhân kinh doanh LPG chai.

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai.

i) Phí thẩm định:

* Tại thành phố và các thị xã:

+ Đối với tổ chức, Doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

+ Đối với Hộ kinh doanh cá thể: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

* Tại các huyện:

+ Đối với Doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

+ Đối với Hộ kinh doanh cá thể: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận bị mất, sai sót hoặc bị hư hỏng

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân

Tên thương nhân/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh số:

do cấp ngày..... tháng.... năm

Mã số thuế:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện

Đề nghị Ủy ban nhân dân xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai theo quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

.....,ngày.....tháng.....năm.....

**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/
CHỦ NHIỆM/HỘ KINH DOANH**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:....

3. Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Công dân/Tổ chức nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả gửi phiếu hẹn trả kết quả cho công dân/tổ chức.

- Bước 2: Phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ; cụ thể:

+ Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận.

- Bước 3: Phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chuyển kết quả cho Trung tâm Hành chính công cấp huyện.

- Bước 4: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện trả kết quả cho công dân/tổ chức.

* **Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:** Các ngày làm việc trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 (trừ các ngày Lễ, ngày nghỉ theo quy định)

- Buổi sáng: Từ 8 giờ 00 đến 11 giờ 00.

- Buổi chiều: từ 13 giờ 30 đến 16 giờ 30.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện.

- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Nộp trực tuyến qua Cổng DVC tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc Cổng DVC quốc gia.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ, bao gồm:**

- Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận (Bản chính - theo Mẫu);

- Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh nội dung thay đổi.

* **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ)

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: thương nhân kinh doanh LPG chai.

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai.

i) Phí thẩm định:

* Tại thành phố và các thị xã:

+ Đối với tổ chức, Doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

+ Đối với Hộ kinh doanh cá thể: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

* Tại các huyện:

+ Đối với Doanh nghiệp: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

+ Đối với Hộ kinh doanh cá thể: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện được điều chỉnh trong trường hợp: Thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm trụ sở chính; thay đổi thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân

Tên thương nhân/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh số:

do cấp ngày..... tháng.... năm

Mã số thuế:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện

Đề nghị Ủy ban nhân dân xem xét cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai theo quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

.....ngày.....tháng.....năm.....

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:....

**ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/
CHỦ NHIỆM/HỘ KINH DOANH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

IV. LĨNH VỰC QUẢN LÝ AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN (02 TTHC)

1. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công các huyện, thị xã và thành phố Huế. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả gửi phiếu hẹn trả kết quả cho cá nhân/tổ chức.

- Bước 2: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ; tiến hành xem xét, thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt; cụ thể:

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt phương án để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định;

+ Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, trình UBND cấp huyện xem xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt và thông báo lý do bằng văn bản.

- Bước 3: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế chuyển kết quả cho Trung tâm Hành chính công các huyện, thị xã và thành phố Huế.

- Bước 4: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công các huyện, thị xã và thành phố Huế trả kết quả cho cá nhân/tổ chức.

*** Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:** Các ngày làm việc trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 (trừ các ngày Lễ, ngày nghỉ theo quy định)

- Buổi sáng: Từ 8 giờ 00 đến 11 giờ 00.

- Buổi chiều: từ 13 giờ 30 đến 16 giờ 30.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện.

- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Nộp trực tuyến qua Cổng DVC tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc Cổng DVC quốc gia.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

* *Thành phần hồ sơ gồm:*

- Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án;
- Dự thảo phương án;
- Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật;
- Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Các tài liệu khác liên quan kèm theo (nếu có).

* *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ hồ sơ.

d) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k) Phí, lệ phí: Không.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;
- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

2. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Cá nhân/tổ chức nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công các huyện, thị xã và thành phố Huế. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả gửi phiếu hẹn trả kết quả cho cá nhân/tổ chức.

- Bước 2: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ; tiến hành xem xét, thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt; cụ thể:

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt phương án để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

+ Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, trường hợp đủ điều kiện, trình UBND cấp huyện xem xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt và thông báo lý do bằng văn bản.

- Bước 3: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế chuyển kết quả cho Trung tâm Hành chính công các huyện, thị xã và thành phố Huế.

- Bước 4: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công các huyện, thị xã và thành phố Huế trả kết quả cho cá nhân/tổ chức.

* **Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:** Các ngày làm việc trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 (trừ các ngày Lễ, ngày nghỉ theo quy định)

- Buổi sáng: Từ 8 giờ 00 đến 11 giờ 00.

- Buổi chiều: từ 13 giờ 30 đến 16 giờ 30.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện.

- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Nộp trực tuyến qua Cổng DVC tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc Cổng DVC quốc gia.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

* *Thành phần hồ sơ gồm:*

- Tờ trình đề nghị phê duyệt;
- Dự thảo phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp;
- Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật;
- Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Các tài liệu liên quan khác kèm theo (nếu có).

* *Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.*

d) Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, trường hợp đủ điều kiện, trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k) Phí, lệ phí: Không.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;
- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

